

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **127/2021/HS-ST**  
Ngày: 05-11-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thái Minh Trí;
2. Bà Trần Thanh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Duy là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 167/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168A/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 114/TB-TA ngày 08/10/2021 đối với bị cáo:

**Danh K**, sinh năm 1994, tại tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp C, xã NG, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã PH, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Khơ me; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh R và bà Thị T; bị cáo có vợ là Bùi Thị Bích N, sinh năm 1998 và 02 con: lớn sinh năm 2017 và nhỏ sinh năm 2020; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2021 đến ngày 23/5/2021 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Mang Thị Thu P, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tạm trú: Ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lê Văn Đ1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bảng 3, xã La Ngâu, huyện Tấn Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tạm trú: Ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn H, xã TH, huyện TN, tỉnh Nam Định.

Tạm trú: Ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P, anh Đ1, anh H vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 02/5/2021, Danh K đi bộ từ phòng trọ số 17 khu nhà trọ HP thuộc ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai ra ngoài đến đầu dãy nhà trọ thì phát hiện có một cái bóp nam rơi nằm ngoài hành lang gần cổng ra vào, K cầm lên đem về phòng trọ của mình mở bóp ra kiểm tra phát hiện trong có số tiền 100.000 đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM, 01 giấy đăng ký xe mang tên Lê Văn Đ1, 01 thẻ ATM mang tên Mang Thị Thu P và 01 biên nhận cầm đồ số 000495 của dịch vụ cầm đồ cho thuê xe Dũng NB bên trong thẻ hiện nội dung Lê Văn Đ1 có gửi một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86B7-464.72 của chị Mang Thị Thu P, với phí dịch vụ 20.000 đồng một ngày nên K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên. Đến 09 giờ cùng ngày, K đem giấy biên nhận cầm đồ số 000495 đến tiệm cầm đồ Dũng NB trên đường Hùng Vương thuộc ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Khi đến nơi K gặp anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1995 là quản lý tiệm cầm đồ Dũng NB và đưa cho anh H giấy biên nhận giấy cầm đồ số 000495 và 80.000 đồng tiền gửi xe. Sau khi được anh H giao chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86B7-464.72, K dẫn bộ đến một tiệm sửa xe trên đường Hùng Vương thay ổ khóa xe. Đến 13 giờ cùng ngày, K quay lại tiệm sửa xe lấy chiếc xe mô tô trên đem về nhà trọ của vợ là chị Bùi Thị Bích Ngọc thuộc ấp Đ, xã PH, huyện N cất giấu.

Đến 08 giờ ngày 13/5/2021, do cần tiền để tiêu xài, K điện thoại cho chị Mang Thị Thu P thông báo cho chị P biết hiện K đang giữ 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86B7-464.72 của P và yêu cầu chị P nếu muốn chuộc lại xe của mình thì phải đưa cho K số tiền 10.000.000 đồng, nếu không K sẽ bán chiếc xe trên cho người khác. Do lo sợ K bán chiếc xe của mình cho người khác, chị P đã nhắn tin cho K xin chuộc lại xe của mình với số tiền 6.000.000 đồng. K đồng ý và hẹn chị P vào lúc 20 giờ 00 cùng ngày đến quán cà phê Công Tử thuộc ấp 1, xã LT, huyện N để giao tiền và nhận lại xe. Đến 20 giờ cùng ngày, P đến điểm hẹn thấy K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 86B7-464.72 đến. Sau khi kiểm tra thấy đúng xe của mình, P đưa cho K số tiền 6.000.000 đồng thì bị Công an xã LT phát hiện bắt quả tang cùng tang vật và chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, bị can K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 86B7-464.72;
- 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn Đ1;
- 02 thẻ ATM: 01 mang tên Lê Văn Đ1 và 01 mang tên Mang Thị Thu P.
- 01 giấy đăng ký xe biển kiểm soát 86B7-464.72 mang tên Lê Văn Đ1.
- 01 điện thoại loại bàn phím hiệu Bird;
- Số tiền 6.110.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 69/KLGD-HĐĐG ngày 19/5/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamatia, biển kiểm soát 86B7-464.72 giá trị còn lại 90%; trị giá 27.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá huyện N.

Bản cáo trạng số 139/CT-VKS-NT ngày 05/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Danh K về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Danh K từ 14 đến 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

+ Về xử lý vật chứng:

01 xe mô tô biển kiểm soát 86B7-464.72; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn Đ1; 02 thẻ ATM: 01 mang tên Lê Văn Đ1 và 01 mang tên Mang Thị Thu P; 01 giấy đăng ký xe biển kiểm soát 86B7-464.72 mang tên Lê Văn Đ1; Số tiền 6.110.000 đồng cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N đã trả lại cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

01 điện thoại loại bàn phím hiệu Bird là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định.

Đối với chị Bùi Thị Bích Ngọc là vợ của bị cáo Danh K, do chị không biết chiếc mô tô biển kiểm soát 86B7-464.72 là do anh K sử dụng giấy gửi xe nhặt được của anh Lê Văn Đ1 đem đến tiệm cầm đồ lấy xe về, sau đó K dùng chiếc xe này để cưỡng đoạt số tiền 6.000.000 đồng của chị Mang Thị Thu P nên không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi nghe xong bản luận tội, bị cáo không có ý kiến gì đối về bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận hành vi cưỡng đoạt tài sản phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

Vào hồi 20 giờ 00 ngày 13/5/2021, tại ấp 1, xã LT, huyện N, Danh K đã thực hiện hành vi cưỡng đoạt số tiền 6.000.000 đồng của chị Mang Thị Thu P thì bị phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi thực hiện là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý dùng điện thoại nhắn tin đe dọa tinh thần của người bị hại, yêu cầu bị hại phải giao số tiền 6.000.000 đồng mới cho chuộc lại xe, nếu bị hại không có tiền giao cho bị cáo thì bị cáo sẽ bán xe cho người khác. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị cáo là người dân tộc thiểu số do đó nhận thức pháp luật còn hạn chế nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ

tài sản. Tuy nhiên, bị cáo khai bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã trả lại cho chủ sở hữu, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đã sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Bird (màu kem) do bị cáo dùng làm công cụ phạm tội (vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/9/2021)

[9] Đối với chị Bùi Thị Bích Ngọc là vợ của bị cáo Danh K, do chị không biết chiếc mô tô biển kiểm soát 86B7-464.72 là do anh K sử dụng giấy gửi xe nhất được của anh Lê Văn Đ1 đem đến tiệm cầm đồ lấy xe về, sau đó K dùng chiếc xe này để cưỡng đoạt số tiền 6.000.000 đồng của chị Mang Thị Thu P nên không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Danh K phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Danh K 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án phạt tù nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ trước đó từ ngày 13/5/2021 đến ngày 23/5/2021
3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tuyên:  
Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Bird (màu kem) do bị cáo dùng làm công cụ phạm tội (vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/9/2021)
4. Về án phí: Bị cáo Danh K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Thu Trang**